

## **CÔNG TÁC ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

*TS. Vũ Thị Phương Anh*

Tôi có hai vấn đề muốn đề cập về đảm bảo chất lượng. Thứ nhất là nội dung của một tọa đàm mà tôi đã thực hiện vào tháng 12/2011. Tọa đàm này nêu lên những thách thức của các trường ngoài công lập nói chung, dựa trên những khó khăn có liên quan đến tình hình tuyển sinh của các trường ĐH năm 2011. Phần thứ hai là những ý tưởng tôi có được sau khi Bộ GD và ĐT tổ chức một tọa đàm về các vấn đề liên quan đến trường ngoài công lập, có nhiều trường cũng trăn trở về chất lượng.

Tôi xin trình bày nội dung đầu tiên, liên quan đến những thách thức của các đại học ngoài công lập. Nội dung này thiên về quản lý, nhưng tôi nghĩ có lẽ mọi giảng viên cũng sẽ quan tâm.

### **1. Những thách thức của các trường đại học ngoài công lập Việt Nam và nhu cầu nâng cao năng lực quản lý**

Các trường đại học ngoài công lập đang đứng trước những thử thách rất lớn, đây là vấn đề không chỉ của Việt Nam mà còn là của cả thế giới. Trước đó, trong một dịp tình cờ, tôi có đọc báo cáo của một chuyên gia giáo dục Hoa Kỳ - GS. Daniel C. Levy, đề cập đến vấn đề giáo dục đại học tư nhân trên bình diện toàn thế giới. Bài báo cáo có tên "Giáo dục đại học tư nhân đang xuống dốc". Từ báo cáo này,

tôi tự đặt câu hỏi, phải chăng sự xuống dốc ở Việt Nam cũng nằm trong trào lưu chung của toàn thế giới? Báo cáo của C. Levy cũng phân tích nguyên nhân của sự xuống dốc. Dựa trên đó, tôi xin nói về vấn đề giáo dục tư nhân ở Việt Nam và những gợi ý của tôi để các trường đại học ngoài công lập Việt Nam đứng vững.

Theo báo cáo của C. Levy năm 2011, sau một thời gian dài phát triển quy mô và khối lượng trên toàn thế giới, trong vòng 2 thập niên qua, quá trình sụt giảm của đại học tư nhân đã bắt đầu xuất hiện dù chưa rõ nét.

#### **Những dấu hiệu sụt giảm:**

- Giảm tỉ lệ trong thị phần mặc dù chưa giảm số lượng tuyệt đối. Số lượng tuyệt đối không giảm vì nhu cầu học đại học vẫn đang tiếp tục tăng.

- Một số loại hình giáo dục đại học tư nhân đang dần biến mất. Ví dụ: ở một số nước, nhiều trường có nguồn gốc tôn giáo đang rất khó khăn, có những trường đã bị đóng cửa hoặc đứng trước nguy cơ đóng cửa. Khá nhiều trường đại học tư vào Việt Nam tìm đối tác đào tạo là trường có nguồn gốc tôn giáo. Họ đang bị khủng hoảng lớn tại đất nước của mình. Một số nước khác, như ở Nhật, các trường dành riêng cho phụ nữ hoặc trường cao

đẳng nghề bị đóng cửa. Nhìn chung, có thể thấy các trường bị loại khỏi cuộc chơi hoàn toàn là những trường nhỏ, chất lượng không cao, sứ mạng không còn phù hợp với nhu cầu của xã hội, không có gì đặc thù và thiếu lợi thế cạnh tranh.

**Nguyên nhân của sự xuống dốc (theo C. Levy, năm 2011) và những suy ngẫm cho Việt Nam:** có 3 nhóm yếu tố chính khiến cho đại học tư sụt giảm:

- Các yếu tố xã hội: Đối tượng thay đổi, môi trường thay đổi, nhu cầu thay đổi, nên sứ mạng đặt ra ban đầu không còn phù hợp nữa.

- Thay đổi về nhân khẩu học: dân số già đi ở một số nước khiến cho học sinh trung học không tăng lên, thậm chí giảm đi, nhu cầu học đại học vì thế cũng giảm đi, như trường hợp ở Nhật Bản, Trung Quốc và một số nước Đông Âu.

- Yếu tố chính trị và sự kiểm soát của Nhà nước. Nguyên nhân này cũng có mặt tại Việt Nam. Ở khắp nơi trên thế giới, chính sách của Nhà nước luôn ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của các trường đại học tư, cho phép nó phát triển hay không phát triển.

Theo phân tích của GS. Levy, khá nhiều nước trên thế giới không hoàn toàn ủng hộ đại học tư, vẫn ủng hộ đại học công là chính. Chính sách của Nhà nước chỉ mở ra khi cần thiết, nhưng sau đó sẽ khép lại khi đã cảm thấy tạm ổn. Có sự không bình đẳng trong chính sách giữa các đại học công và tư. Tôi nghĩ đây là một điều đáng suy ngẫm ở Việt Nam. Dù là thể chế nào

thì sự kiểm soát của Nhà nước cũng rất quan trọng và các trường đại học ngoài công lập của Việt Nam phải rất quan tâm đến yếu tố này.

Nói về sự kiểm soát của Nhà nước, chúng ta thấy tiềm ẩn những nguy cơ bị sụt giảm do đặc điểm sự kiểm soát của Nhà nước đối với đại học tư. Sự kiểm soát này được các nhà lý luận gọi là “sự kiểm soát trì hoãn” (delayed regulation). Vì trường tư năng động, đa dạng và nhanh chóng đáp ứng nhu cầu xã hội nên Nhà nước cứ để yên cho phát triển rồi sau đó thấy nơi nào không đảm bảo chất lượng thì khóa lại. Ngoài ra, cần nhận thức rõ một điều là luôn có sự cạnh tranh giữa các trường thuộc khối công lập với các trường ngoài công lập. Đa số các nước đều bênh vực đại học công và các trường này có thể tác động đến hàng loạt những quy định chung bất lợi cho các trường tư do chỉ nhìn về phía có lợi cho đại học công. Đây là điều phổ biến trên toàn thế giới.

Trên đây là nguyên nhân khách quan; ngoài ra còn có những nguyên nhân chủ quan của chính các trường. Thông thường, các trường tư trong quá trình hoạt động và phát triển ít bị Nhà nước kiểm soát, vì lý do đơn giản là tài chính của trường tư hoặc do sinh viên đóng hoặc do trường tự bỏ ra. Ít kiểm soát là một lợi điểm, vì sẽ không bị ràng buộc, không bị mất quyền tự do, tuy nhiên ở đây cũng tiềm ẩn những rủi ro lớn, và là một hàng rào cần vượt qua. Vì không được kiểm soát nên chất lượng có thể không đảm bảo, trách nhiệm giải trình

thấp, không tạo được niềm tin từ “khách hàng”, thậm chí có vẻ thiếu tính “hợp pháp” vì không có bên thứ ba làm trọng tài giữa Nhà trường và sinh viên. Chỉ khi có vấn đề thì Nhà nước mới vào cuộc, và thường thì lúc ấy sẽ thấy các trường tư có nhiều lỗi do trước đó đã hoạt động tự phát và thiếu kiểm soát.

Yếu tố cuối cần nhắc đến là khối đại học công lập hiện nay đang phát triển theo hướng mở rộng, tiếp cận đến các đối tượng mà theo truyền thống vốn thuộc về đại học tư. Những chính sách hiện nay của Nhà nước Việt Nam đang đi theo hướng tư nhân hóa giáo dục trong các đại học công lập, tức là trong đại học công cũng có nhiều yếu tố tư. Tuy nhiên, vì các trường này vốn là công lập nên khía cạnh tư nhân thường được bỏ qua, lợi nhuận thu từ những yếu tố tư nhân trong trường công lập không được tính đủ nên đây sẽ là điều bất lợi đối với các trường ngoài công lập.

Đối với Việt Nam, chúng ta không hoặc chưa bị đe dọa bởi yếu tố nhân khẩu, sinh viên có nhu cầu học của chúng ta vẫn tăng lên, nhưng sứ mạng của các trường ngoài công lập có lẽ cần được xem xét lại vì hiện nay chúng ta đang có rất nhiều trường đại học công mở ở từng địa phương. Trước đây, các trường đại học ngoài công lập đầu tiên, như Văn Lang, tạm gọi là các trường đại học ngoài công lập thế hệ thứ nhất, ra đời do nhu cầu học đại học quá lớn vào lúc đó, mà khối công lập không thể đáp ứng được; khối các trường ngoài công lập chỉ cần cung cấp cho người học chỗ học với giá chấp nhận được, sứ mạng lúc đó

là như vậy. Nhưng bây giờ, ở địa phương, các trường công nhiều, giá cả chắc chắn rẻ hơn các trường công lập nên sứ mạng của các trường tư cần phải xem lại. Ở đây tôi không đề cập đến trường Văn Lang, vì cá nhân tôi đánh giá trường ĐH Văn Lang có thể là một trong những trường ngoài công lập thuộc loại top ở Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, điều mà đa số các trường đại học ngoài công lập mắc phải là những yếu tố làm giảm hoạt động của trường chưa phải do Nhà nước hay do bên ngoài mà do chính bản thân các trường. Khó khăn lớn thứ hai là sự mở rộng của khối công lập khiến thị trường gần như bão hòa. Yếu tố nhất là các trường “thường thường bậc trung”, không có tính đặc thù hoặc lợi thế cạnh tranh riêng đang dần bị loại ra khỏi cuộc chơi.

### **Trường đại học ngoài công lập cần làm gì để đứng vững và tiếp tục phát triển?**

- Rà soát lại sứ mạng và định vị lại thị phần. Riêng trường ĐH Văn Lang thì tôi thấy có một sứ mạng rõ ràng, điều này tôi đã ghi nhận cách đây mấy năm khi đến trường tư vấn về báo cáo tự đánh giá. Trường ta có một số ngành phát triển rất mạnh mà một số đại học công chưa chắc đã tuyển được, như Công nghệ Môi trường, các ngành kỹ thuật...

- Thay đổi “công nghệ” trong quản lý và giảng dạy để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động.

- Xây dựng uy tín và thương hiệu, tăng khả năng nhận diện để mọi người biết đến mình.

## **2. Công tác đảm bảo chất lượng và các trường đại học ngoài công lập Việt Nam**

### **Một số vấn đề lý luận:**

Ở Việt Nam hiện nay, có nhiều thuật ngữ liên quan đến đảm bảo chất lượng như: kiểm định chất lượng, đảm bảo chất lượng, đánh giá chất lượng, hay quản lý chất lượng. Xin bắt đầu bằng một phần khá khô khan, đó là một vài vấn đề lý luận.

**Chất lượng:** đạt yêu cầu kỹ thuật hoặc đáp ứng mong đợi của khách hàng.

**Đảm bảo chất lượng (ĐBCL):** tất cả hoạt động của mọi người từ khâu tổ chức đến thực hiện nhằm đạt mục tiêu chất lượng. ĐBCL bao gồm các hoạt động ĐBCL bên ngoài và ĐBCL bên trong.

**Quản lý chất lượng:** hoạt động của nhà quản lý gồm lập mục tiêu, lên kế hoạch, cung cấp nguồn lực, giám sát việc thực hiện và đánh giá chất lượng. Các phòng ban và các nhà quản lý cấp khoa, bộ môn đều có trách nhiệm quản lý chất lượng.

**Đánh giá chất lượng:** vòng đánh giá, xem xét quy trình hoặc kết quả xem có đáp ứng yêu cầu hay không, nêu ra nguyên nhân của những sai lỗi... Đây là một khâu của quản lý chất lượng.

**Kiểm định chất lượng:** đảm bảo chất lượng từ bên ngoài. Đây là việc của các tổ chức bên ngoài, ở Việt Nam đang thuộc quyền của Nhà nước. Phương pháp ĐBCL bên ngoài nhằm xác nhận tình trạng đạt hoặc không đạt theo các tiêu chuẩn chất lượng đã xác định và đưa ra những

kiến nghị (kiểm toán chất lượng là một phương pháp khác, chủ yếu đánh giá hoạt động hệ thống ĐBCL bên trong).

**Điều kiện đảm bảo chất lượng:** các nguồn lực vật chất (tài chính, nhân lực, cơ sở vật chất) và thể chế (cơ cấu tổ chức, các quy trình, quy định và văn hóa tổ chức) giúp thực hiện tốt các mục tiêu của Nhà trường.

**Bản chất của giáo dục đại học** vừa là hàng hóa tiêu thụ có công dụng cụ thể, vừa là hàng hóa trải nghiệm cung cấp các trải nghiệm thú vị cho khách hàng. Điều này có lẽ các trường tư rất quan tâm. Trường đào tạo ra chất lượng kỹ thuật tốt, nhưng sinh viên yêu thích hay ghét trường là phụ thuộc vào một quá trình trải nghiệm. Ví dụ, khoa Công nghệ & Quản lý Môi trường của trường ĐH Văn Lang đào tạo ra được nhiều người giỏi và quan trọng là ươm mầm và giữ được sự yêu thích, đam mê của sinh viên đối với ngành học đó, điều này chính là trải nghiệm thú vị của sinh viên tại ngôi trường này.

Trong đợt kiểm định chất lượng đầu tiên của hệ thống ĐH Việt Nam, trường ĐHDL Văn Lang là 1 trong 20 trường được kiểm định. Kết quả khảo sát cho thấy trường ĐH Văn Lang tình cờ xếp cùng vị trí với một trường công lập lớn, tức là tổng số tiêu chí đạt của trường Văn Lang và trường công lập kia bằng nhau. Tất nhiên cùng đạt tổng số tiêu chí như nhau nhưng các tiêu chí của từng trường đạt được là không đồng nhất, vì mỗi trường có một thế mạnh

riêng. Nhà nước có thể biết hoặc không biết điều này, nhưng chúng ta cần biết để phát huy.

**Khách hàng của giáo dục đại học:** sinh viên, ngoài ra còn có gia đình, nhà tuyển dụng, cơ quan quản lý Nhà nước và toàn xã hội.

### **Kiểm định chất lượng có làm tăng chất lượng không?**

Kiểm định chất lượng không làm chất lượng chúng ta tăng lên, giống như chúng ta đi khám sức khỏe thì không thể làm cho sức khỏe tốt hơn, mà chúng ta chỉ có thể biết sức khỏe chúng ta thuộc loại A, B, C... và đang tiềm ẩn những căn bệnh nào. Sức khỏe chỉ tăng lên khi sau đó, chúng ta uống thuốc hoặc tập thể dục... Kiểm định chất lượng không làm chất lượng tăng lên, nhưng nó làm được 2 việc, đó là:

- Cung cấp cho trường và xã hội những thông tin về tình trạng chất lượng của các trường. Tất nhiên việc cung cấp cho xã hội những thông tin để có những nhận định về trường chắc chắn sẽ thúc đẩy chúng ta làm tốt hơn.

- Thúc đẩy, kích thích công tác ĐBCL bên trong (IQA) từng trường.

Chính công tác ĐBCL bên trong của từng trường mới làm tăng chất lượng.

**Nhận định của chuyên gia quốc tế, ông Richard Lewis, về công tác ĐBCL tại Việt Nam:**

#### **Về thái độ đối với ĐBCL:**

Những người đang thực hiện (cán bộ

thuộc bộ phận ĐBCL) thì tâm huyết và xem là quan trọng. Lãnh đạo cấp cao thì khá thờ ơ và không xem ĐBCL là quan trọng hoặc có tác động tích cực đến chất lượng.

#### **Về hiểu biết liên quan đến ĐBCL:**

+ Nhầm lẫn cơ bản giữa các khái niệm ĐBCL, kiểm định và tự đánh giá.

+ ĐBCL bên trong có thể hiểu đơn giản là đồng nghĩa với tự đánh giá và các kế hoạch cải thiện sau khi kiểm định.

+ Chưa phân biệt văn hóa chất lượng (VHCL) và ĐBCL.

#### **Các yếu tố của ĐBCL bên trong (IQA):**

+ Chương trình đào tạo phải có quy trình lọc và phê duyệt trước khi thực hiện.

+ Thường xuyên giám sát việc thực hiện chương trình, thường xuyên đánh giá chương trình và thực hiện đánh giá toàn trường.

Những điều nói trên tất cả các trường đều làm theo yêu cầu của Nhà nước. Nhưng VHCL là việc của từng trường xây dựng.

VHCL khác với ĐBCL. ĐBCL có tính cơ cấu và xác định mục tiêu chính thức từ trên xuống; lãnh đạo Nhà trường lập ra quy định này, quy định khác và kế hoạch cho mọi người phải làm, tóm lại là có định hướng. Còn VHCL thì phi chính thức và có nhiều yếu tố đa dạng. Có thể nói, ĐBCL có tính cơ cấu, nhằm xác định mức độ và mục tiêu chung; VHCL thì xác định cụ thể mỗi người cảm thấy mình cần làm, cần tránh điều gì, theo quan niệm cá nhân. Và kết luận của ông là: có thể có cơ cấu

ĐBCL nhưng không có VHCL. Điều này ở trường công rất rõ, các trường này có cơ cấu đầy đủ về ĐBCL, nhưng có thể không có VHCL. Thậm chí một số trường công hiện nay có tình trạng chảy máu trong, tức là người có tên đầy đủ trên danh sách nhưng thực ra họ bỏ nhiều thời gian đi làm chỗ khác.

Báo cáo của GS. Lewis có một câu rất đắt gửi đến Bộ GD & ĐT: **có thể có cơ cấu ĐBCL tốt nhưng không có VHCL, nhưng ngược lại không thể có một VHCL từ dưới lên mà không có cơ cấu ĐBCL.** Tôi thấy câu này có vẻ đúng với Văn Lang. Chúng ta có kinh nghiệm. Tôi thấy chúng ta không chỉ có cơ cấu, có thể cơ cấu chúng ta chưa tốt bằng trường công, và chúng ta đã có những yếu tố của VHCL.

Nói đến đại học tư ở Việt Nam, chúng ta nên phân biệt đại học tư thế hệ 1 và đại học tư thế hệ 2. Đại học tư thế hệ 2, theo tôi, có thể kể ra những trường được

đầu tư rất tốt gần đây như trường ĐH Tân Tạo, trường ĐH Quốc tế Miền Đông, đầu tư vốn lớn và đạt yêu cầu về diện tích đất, sàn,... Trong những trường tư thế hệ 1, tôi cho rằng Văn Lang là một trong những trường phát huy được thế mạnh rõ ràng.

Quay lại khung lý luận, chúng ta biết rằng theo yêu cầu, khi các tổ chức của Nhà nước đến kiểm tra, ắt sẽ có đánh giá theo cách của họ. Dưới góc độ quản lý của Nhà nước thì chúng ta cũng phải nhìn nhận mình chưa phải xuất sắc lắm, nhưng về mặt đáp ứng mong muốn của khách hàng, là người học và xã hội, thì tôi tin là trường chúng ta đạt được.

Nhìn chung, qua nhiều lần đánh giá, chúng ta nhận thấy mình còn yếu ở một số điều kiện ĐBCL. Ngoài những điều tôi đánh giá là khá tốt, ở đây chúng ta còn thiếu vai trò của nhà đầu tư: đầu tư tài chính mạnh, nhân lực tốt.

*TS. Vũ Thị Phương Anh*